

Thứ sáu, ngày 7 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/5/2021		•	
Tuần 10/5-14/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng điều chỉnh của VN-Index kéo dài sang phiên giao dịch ngày hôm nay. Dòng tiền đầu tư suy yếu và chỉ co cụm vào một số nhóm ngành khi chỉ có 3/19 nhóm ngành giảm điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản tăng mạnh cùng với hoạt động bắt đáy của thị trường tại ngưỡng 1232 điểm cho thấy VN-Index nhiều khả năng sẽ tích lũy ngắn hạn trong vùng 1230-1250 điểm. Với xu hướng như vậy, các nhà đầu tư có thể cân nhắc tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu cơ bản tốt trong nhịp tích lũy này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/5/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao giảm.

Phân tích kỹ thuật: TPB_Tích lũy (Trang 3)

Cập nhật SMC (Trang 6)

Cập nhật PET (Trang 7)

Điểm nhấn

- VN-Index **-8.76** điểm, đóng cửa **1,241.81** điểm. HNX-Index **-1.23** điểm, đóng cửa **279.86** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG(+1.23)**, **CTG(+0.89)**, **HDB(+0.51)**, **TPB(+0.27)**, **ACB(+0.23)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB(-2.27)**, **VNM(-1.44)**, **VHM(-1.42)**, **BID(-0.64)**, **GVR(-0.53)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,071** tỷ đồng, **+16.8%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,419 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 18.58 điểm. Thị trường có **118** mã tăng, 41 mã tham chiếu và **307** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-330.16** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (-368.8 tỷ)**, **HPG (-123.6 tỷ)** và **VNM (-95.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.99** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1241.81**
Giá trị: 21071.67 tỷ **-8.76 (-0.7%)**
Khối ngoại (ròng): -330.16 tỷ

HNX-INDEX **279.86**
Giá trị: 2711.28 tỷ **-1.23 (-0.44%)**
Khối ngoại (ròng): -7.99 tỷ

UPCOM-INDEX **80.85**
Giá trị: 1350.1 tỷ **-0.33 (-0.41%)**
Khối ngoại(ròng): 20.43 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	64.5	-0.29%
Giá vàng	1,823	0.42%
Tỷ giá USD/VND	23,065	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,833	0.17%
Tỷ giá JPY/VND	21,140	0.01%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	11.37%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFN	129.5	VPB	-368.8
VHM	60.9	HPG	-123.6
CTG	52.1	VNM	-95.5
MBB	48.1	HDB	-66.5
NVL	41.2	VCI	-47.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật SMC	Trang 6
Cập nhật PET	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 7/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	64.75	0.06%	1.80%	8.30%	88.39%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.11	0.03%	2.00%	8.40%	79.95%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	211.09	-0.13%	1.70%	8.20%	94.23%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1815.45	0.01%	2.60%	4.50%	4.03%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.36	0.19%	5.60%	8.80%	57.71%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1583.75	0.91%	3.20%	12.90%	87.48%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	763.75	1.39%	3.90%	24.00%	42.09%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.83	-0.37%	-1.80%	-1.80%	19.71%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	237.93	0.62%	9.10%	7.20%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.55	0.11%	3.70%	16.80%	57.12%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	154.30	2.97%	7.90%	19.90%	31.26%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10092.00	1.43%	2.20%	14.80%	94.15%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	876.12	0.88%	5.30%	17.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	925.19	1.42%	4.40%	16.50%			
Nhôm	USD/ton	2488.50	1.80%	3.70%	11.80%	68.20%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	185.36	3.92%	4.50%	26.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	95.90	3.45%	6.60%	9.40%	54.18%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent giảm 87 US cent (1.3%) xuống 68.09 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 92 US cent (1.4%) xuống 64.71 USD/thùng.
- Ấn Độ công bố số ca nhiễm và tử vong do Covid-19 mỗi ngày đều tăng lên mức cao kỷ lục mới. Nước này hy vọng đợt virus lần thứ 2 này sắp lên đến đỉnh điểm. Dịch bệnh ở Ấn Độ gây lo ngại nhu cầu dầu thế giới sẽ hồi phục chậm lại.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1.6% lên 1,814.5 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York tăng trên 1.8% đạt 1,815.7 USD/ounce.
- Bất chấp một số những dữ liệu kinh tế lạc quan gần đây, các nhà hoạch định chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ dường như vẫn giữ nguyên lập trường giữ chính sách tiền tệ siêu lỏng như hiện nay – điều được cho là sẽ đẩy lạm phát của Mỹ tăng lên, từ đó đẩy giá vàng tăng theo.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 6.8% lên 1,184 CNY (182.77 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn Singapore tăng 4.9% lên196.1 USD/tấn.
- Giá quặng sắt phiên này tăng do mối quan hệ giữa Trung Quốc và Australia xấu đi. Australia là nhà cung cấp khoảng 2/3 nhu cầu quặng sắt nhập khẩu của Trung Quốc.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 4.7% lên kỷ lục cao mới là 5,672 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 4% và cũng đạt kỷ lục 5,957 CNY/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Osaka tăng 5.3% lên 257.9 JPY (2.4 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 450 CNY lên 14,375 CNY (2,220 USD)/tấn. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Singapore tăng 1.9% lên 171.7 US cent/kg
- Giá cao su tại Nhật Bản đã tăng lên mức cao nhất trong 6 tuần trong phiên giao dịch đầu tiên trở lại sau kỳ nghỉ lễ dài ngày, theo xu hướng tăng chung của giá hàng hóa trên toàn cầu và những dữ liệu kinh tế tích cực phát đi từ một số nền kinh tế lớn nhất thế giới – thúc đẩy nhu cầu đối với những tài sản rủi ro như hàng hóa..

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2021 tăng 4.45 US cent, tương đương 3.0%, lên 1.543 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2021 tăng 9 USD (0.6%) lên 1,547 USD/tấn. Các cuộc biểu tình ở Colombia làm ảnh hưởng đến việc xuất khẩu cà phê từ nước này
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 tăng 0.02 US cent (0.1%) lên 17.55 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 tăng 2.1 USD (0.5%) lên 462.90 USD/tấn.

	7/5	% 7/5	6/5	% 6/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1241.81	-0.70%	1250.57	-0.47%	1.00%	1.42%
S&P 500			4201.62	0.82%	-0.23%	3.13%
HĐTL S&P500	4197.00	0.07%	4194.20	0.82%	0.54%	3.12%
Shang- hai	3418.87	-0.65%	3441.28	-0.16%	-0.69%	-1.37%
Euro Stoxx	4005.24	0.15%	3999.44	-0.08%	0.77%	1.22%

Phân tích kỹ thuật

TPB_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: TPB đang ở trạng thái tích lũy trung hạn tại khu vực 27-30 trong hơn 2 tháng trở lại đây. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của TPB nằm tại khu vực xung quanh 29. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 36.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 27.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

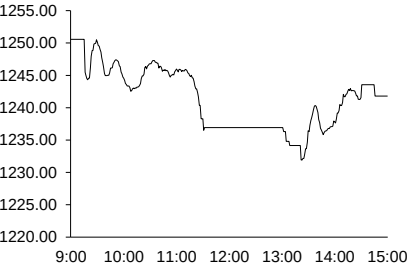
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	2.39%
Truyền thông	0.91%
Công nghệ Thông tin	0.30%
Viễn thông	0.00%
Ngân hàng	-0.33%
Y tế	-0.36%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.49%
Dịch vụ tài chính	-0.71%
Bất động sản	-0.77%
Dầu khí	-0.77%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.96%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.13%
Bán lẻ	-1.32%
Xây dựng và Vật liệu	-1.34%
Ô tô và phụ tùng	-1.44%
Hóa chất	-1.55%
Thực phẩm và đồ uống	-1.90%
Du lịch và Giải trí	-2.01%
Bảo hiểm	-2.31%

Hình 1

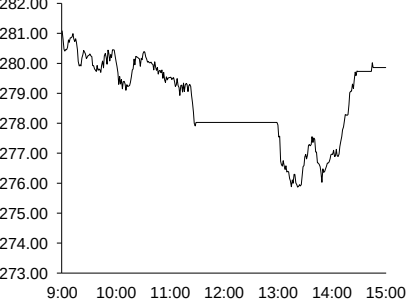
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	31.6	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	30	2	3.27%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32	3	0.00%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	36.3	41.5	34	38.8	8	6.89%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35	9	-1.41%	Có thể tiếp tục mua
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	26.3	17	8.90%	Có thể tiếp tục mua
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	30	22	18.34%	Cân nhắc không mua thêm (**)
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	83	28	1.10%	Có thể tiếp tục mua
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	34.1	38	0.74%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	12.8	74	-9.86%	Cân nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

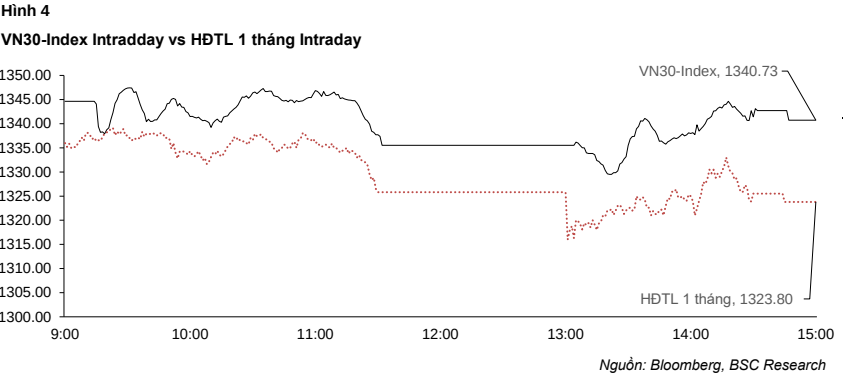
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	SL	21	-13.29%
4/1/2021	VNM	101	110	98	SL	15	-2.97%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	2	4.90%	-5.63%	2.80%	20
Cổ phiếu đã chốt	135	82	13.29%	-8.06%	5.22%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1323.80	-0.95%	-16.93	-17.2%	209,572	5/20/2021	13
VN30F2106	1319.50	-0.06%	-21.23	-28.3%	355	6/17/2021	41
VN30F2109	1310.00	-1.32%	-30.73	115.8%	41	9/16/2021	132
VN30F2112	1307.00	-0.98%	-33.73	-53.9%	170	12/16/2021	223

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -3.91 điểm, xuống 1340.73 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, VNM, HPG CTG tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1335-1345 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2106	8/27/2021	112	2:1	696,700	32.91%	4,100	9,000	29.50%	5,985	1.50	58,400	50,200	60,800
CMSN2103	8/13/2021	98	6:1	854,200	37.71%	3,000	5,340	25.94%	1,977	2.70	106,000	88,000	95,000
CVPB2104	8/27/2021	112	3:1	830,300	37.42%	2,500	7,340	24.20%	4,628	1.59	56,500	49,000	61,500
CVHM2105	8/13/2021	98	8:1	742,000	30.17%	1,500	3,880	20.50%	420	9.24	117,500	105,500	97,100
CHPG2104	7/5/2021	59	3:1	330,100	32.91%	1,500	10,310	15.20%	5,454	1.89	49,300	44,800	60,800
CHPG2105	8/9/2021	94	2:1	646,600	32.91%	3,000	15,260	10.58%	9,671	1.58	48,000	42,000	60,800
CHPG2103	7/6/2021	60	2:1	242,500	32.91%	3,900	13,700	10.48%	9,566	1.43	49,800	42,000	60,800
CMBB2101	7/6/2021	60	2:1	705,500	32.65%	1,600	7,000	6.54%	2,952	2.37	29,200	26,000	31,600
CHPG2018	5/14/2021	7	4:1	604,000	32.91%	1,200	7,720	5.18%	7,707	1.00	34,799	29,999	60,800
CNVL2003	6/11/2021	35	10:1	621,700	28.74%	1,000	7,610	4.53%	7,211	1.06	73,979	63,979	135,800
CTCB2101	10/5/2021	151	1:1	186,700	34.91%	5,000	19,200	2.13%	6,841	2.81	36,000	31,000	47,050
CSTB2104	8/27/2021	112	1:1	751,000	41.91%	4,000	7,650	0.79%	2,942	2.60	26,900	22,900	24,000
CSTB2103	8/9/2021	94	2:1	690,900	41.91%	1,400	6,730	0.45%	3,188	2.11	20,800	18,000	24,000
CVPB2103	8/9/2021	94	2:1	268,500	37.42%	2,700	13,600	0.37%	12,725	1.07	41,900	36,500	61,500
CMBB2010	6/14/2021	38	1:1	272,700	32.65%	4,600	15,850	0.32%	15,679	1.01	20,600	16,000	31,600
CTCB2012	7/30/2021	84	1:1	324,100	34.91%	5,400	25,560	0.24%	25,289	1.01	27,400	22,000	47,050
CTCB2103	8/9/2021	94	2:1	572,700	34.91%	2,900	9,680	-0.21%	6,063	1.60	41,300	35,500	47,050
CTCB2102	7/6/2021	60	2:1	490,300	34.91%	2,300	8,500	-0.35%	5,693	1.49	57,200	48,000	47,050
CVPB2015	7/30/2021	84	1:1	201,300	37.42%	5,600	35,310	-3.26%	35,783	0.99	31,600	26,000	61,500
Tổng				10,031,800	34.85%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 7/5/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao giảm.
- CVHM2106 và CHPG2107 tăng mạnh lần lượt là 52.31% và 51.92%. Giá trị giao dịch giảm -19.61%. CHPG2105 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.76% thị trường.
- CVPB2102, CVPB2015, CKDH2001, CHPG2018, và CTCB2012 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CNVL2003, và CHPG2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (Khả quan): Cập nhật ĐHĐCĐ

Mã cổ phiếu: SMC (HSX), Vốn hóa: 2,122 tỷ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 61 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 34,800 VND, Sở hữu nước ngoài: 26.5%

Chuyên viên phân tích: Phạm Thị Minh Châu

KQKD 2020: DT và LNST năm 2020 của SMC đạt lần lượt 15,735 tỷ đồng (-6.5%YoY) – đạt 103.5% KH năm 2020 và 316 tỷ đồng (+233%YoY) – đạt 263.4% KH năm 2020. Mặc dù, nhu cầu thép trong nửa đầu năm 2020 kém khả quan do dịch bệnh Covid 19, nhưng Biên lợi nhuận gộp vẫn tăng từ 2.91% lên 5.2% trong 2020 nhờ thay đổi cơ cấu doanh thu từ 43% lên 50% của các sản phẩm thép sản xuất - Gia công (thép dẹt) với biên lợi nhuận cao hơn sản phẩm thép thương mại – thép dài (~2.7ppt) - **SMC tiếp tục khẳng định bước chuyển mình từ doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trở thành một doanh nghiệp với chức năng tổng hợp trong ngành thép.**

Cụ thể, (1) Về thương mại, các dự án đầu tư công và bất động sản được tái triển khai từ cuối năm 2020, khiến sản lượng tiêu thụ thép dài vẫn đạt 678,000 tấn (-1%YoY) – đạt 104.4% KH năm 2020.

(2) Về sản xuất - Gia công, sản lượng thép dẹt đạt 676,000 tấn (+7%YoY) – đạt 112.5% KH năm 2020 nhờ SMC đã đưa vào hoạt động nhà máy Coil center SMC Đà Nẵng vào Q3/2020 (nâng tổng công suất lên 350,000 tấn (+16.7%YoY) - nắm bắt cơ hội hợp tác gia công cho các đối tác lớn như Samsung (từ tháng 8/2020) theo xu hướng chuyển dịch nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam- Chúng tôi đánh giá việc SMC và Samsung C&T hợp tác thành lập liên doanh Coil Center tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, Bà Rịa Vũng Tàu từ Q1/2021, giúp **SMC định hình trở thành đơn vị gia công chuyên sâu các sản phẩm đòi hỏi chất lượng cao – tập trung vào phân khúc ngách ít gặp sự cạnh tranh của các đối thủ lớn trong ngành (như HPG, HSG,...).**

Kế hoạch kinh doanh năm thận trọng cho năm 2021: Công ty đặt DT và LNST kế hoạch lần lượt là 18,000 tỷ đồng (+14.4% YoY) và 300 tỷ đồng (-5.1% YoY); Dựa trên giả định về SLKD đạt 1.35 triệu tấn thép – Trong đó, thép dẹt chiếm 50.4% tổng sản lượng (+0.7%YoY) – bám sát định hướng thâm nhập sâu vào phân khúc gia công của SMC. Ngoài ra, **SMC dự kiến chia cổ tức năm 2020 là 5% bằng tiền và dự kiến cổ tức cho 2021 bằng tiền hoặc cổ phiếu 10% mệnh giá.**

Cập nhật kết quả kinh doanh Q1/2021: DT và LNST lần lượt đạt 5,070 tỷ đồng(+47%YoY) – Hoàn thành 28.2% KH năm 2021 và 216 tỷ đồng (+13.4 lần YoY) – Hoàn thành 72% KH năm 2021. Bên cạnh đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 4.9% (Q1/2020) lên 8.5% (Q1/2021) do giá bán trung bình tăng 31% YoY và số ngày tồn kho nguyên vật liệu giá rẻ của năm trước cũng tăng từ 12 ngày (Q4/2019) lên 15 ngày (Q4/2020). Nguyên nhân chủ yếu đến từ nhu cầu tiêu thụ thép trên thế giới tăng mạnh, trong khi nguồn cung khan hiếm từ Trung Quốc, Ấn Độ, đặc biệt do chính sách kiểm soát sản lượng và ô nhiễm của Chính phủ Trung Quốc. Chúng tôi dự kiến biên lợi nhuận sẽ tiếp tục khả quan trong Q2/2021, trước tri vọng giá bán (giá thép TB T4/2021 tăng ~41% YoY); Trong khi, mức tăng của nguyên vật liệu phản ứng chậm hơn, khi số ngày tồn kho tăng từ 19 ngày (Q1/2020) lên 25 ngày (Q1/2021) (+10 ngày so với thời điểm cuối năm 2020).

Năm 2021, BSC ước tính DT và LNST ước đạt lần lượt 19,911 tỷ đồng (+26.5% YoY) và 616 tỷ đồng (+101.2% YoY). EPS =10,100 đồng và P/E fw = 3.3 lần - Thấp hơn P/E TB 5 năm của SMC ở mức 4.3 lần – Dựa trên giả định giá bán tăng 23%YoY, sản lượng kinh doanh thép tăng 3%YoY và biên lợi nhuận gộp tăng từ 5.2% lên 7% đến từ nhu cầu khả quan trong Q1/2021 khiến giá bán tăng 31%YoY, chúng tôi dự kiến biên lợi nhuận sẽ tiếp tục khả quan đến Q2/2021, trước tri vọng giá bán và nguyên liệu đầu vào tiếp tục tăng; khi số ngày tồn kho tăng từ 19 ngày (Q1/2020) lên 25 ngày (Q1/2021).

Quan điểm đầu tư: Chúng tôi nhận định **MUA** đối với cổ phiếu **SMC** với **giá mục tiêu là 45,810 đồng/cp** (+31,6% so với mức giá đóng cửa ngày 07/05/2021) sử dụng phương pháp P/E với P/E mục tiêu là 4.5 lần cao hơn P/E 5 năm của công ty – dựa trên kỳ vọng tích cực của năm 2021 .

Tổng công ty cổ phần dịch vụ dầu khí (Khả quan): CẬP NHẬT KQKD Q1/2021

Mã cổ phiếu: PET (HSX), Vốn hóa: 1,793 tỷ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 86.6 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 21,500 VND, Sở hữu nước ngoài: 3.1%

Chuyên viên phân tích: Phạm Thị Minh Châu

KQKD 2020- Tăng trưởng vượt kì vọng: DT và LNST đạt 13,453 tỷ đồng (+34.3%YoY) - Đạt 148%KH và 140 tỷ đồng (+10YoY) - Đạt 100%KH. Nguyên nhân chủ yếu đến từ đóng góp của mảng phân phối điện thoại- điện tử (+44.3%YoY) – Nhờ nhu cầu làm việc và học tập online tăng mạnh do dịch bệnh- Đặc biệt là đóng góp tuyệt đối của mảng Apple bắt đầu từ Q3/2020.

Riêng kết quả kinh doanh Q1/2021, Doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 4,213 tỷ đồng (+84% YoY)- Đạt 28% KH và 64.7 tỷ đồng (+86% YoY)- Đạt 32%KH. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 5.3% xuống 4.7% do đóng góp tăng của mảng phân phối điện thoại điện tử - nhờ mức tăng tuyệt đối của nhãn hàng Apple chiếm 25%-30% tổng doanh thu Q1/2021- có biên lợi nhuận gộp thấp hơn trung bình các mảng phân phối khác khác (~1-2ppt)

Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Công ty đặt doanh thu và lợi nhuận sau thuế kế hoạch lần lượt là 15,000 tỷ đồng (+11% YoY) và 200 tỷ đồng (+46% YoY). **PET dự kiến chia cổ tức năm 2020 là 10% bằng tiền trong Q2/2021 và dự kiến cổ tức 2021 đạt 10%.** Ngoài ra, PET dự kiến phát hành ESOP cho người lao động 2021: 4.79% số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành (tỷ lệ 1:1) giá phát hành 10,000 đồng/ CP.

Doanh nghiệp dự kiến bổ sung các ngành nghề kinh doanh: Theo Ban lãnh đạo chia sẻ, Công ty sẽ bổ sung (1) 2 ngành hàng phân phối điện thoại-điện tử (2) mở rộng các ngành hàng công nghệ xanh (Phân bón Hữu cơ) (3) Mở rộng thêm các mảng kinh doanh xử lý rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp – Nhắm tới các DN dầu khí và các KCN và xử lý nước thải. Ngành nghề mới này được PET kỳ vọng là động lực phát triển của doanh nghiệp sau “cú bật” về lợi nhuận trong 2020-2021 đến từ đóng góp của Apple. Ngoài ra,

Năm 2021, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ ước đạt lần lượt 17,935 tỷ đồng (+31.2% YoY) và 222 tỷ đồng (+61.6% YoY), chủ yếu nhờ mức tăng 34.5% YoY của mảng phân phối - Trong đó đóng góp trọn vẹn của mảng kinh doanh Apple ước tính tăng 2.13 lần so với cùng kì năm 2020. EPS 2021 FW = 2,528 đồng/cp. PE 2021 FW = 8 lần – tương đương mức P/E Trailing 3 năm là 8 lần và thấp hơn P/E hiện tại đang giao dịch ở mức 11 lần.

Quan điểm đầu tư: Chúng tôi nhận định **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu PET và **điều chỉnh giá mục tiêu lên 25,930 đồng/cp** (+20.6% so với mức giá đóng cửa ngày 07/05/2021) dựa trên phương pháp P/E – DCF (60%/40%). Điều chỉnh và những giả định về (1) tăng đóng góp của mảng dịch vụ phân phối (+34.5% YoY) nhờ vào kết quả kinh doanh khả quan của Apple trong Q1/2021 (2) thuế suất của công ty được điều chỉnh ở mức 20% khi công ty tiến hành cắt giảm công nợ, thoái vốn ở các công ty hay thua lỗ (SSG) và ngưng hợp tác kinh doanh với các đơn vị bán lẻ kém hiệu quả trong Q1/2021. (3) Lợi ích của cổ đông thiểu số tăng 15 lần YoY, do đóng góp doanh thu của các đơn vị phân phối điện thoại điện tử tăng nhưng PET không nắm 100% cổ phần tại các đơn vị này.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	140.2	-1.3%	1.0	2,898	5.7	9,051	15.5	3.9	50.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	95.5	-0.5%	1.0	944	2.6	4,974	19.2	3.8	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	54.2	-3.2%	1.5	1,749	2.8	2,548	21.3	2.0	27.3%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	32.2	-1.2%	0.5	313	0.0	3,809	8.5	1.0	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	132.0	-0.4%	0.7	19,412	10.0	2,174	60.7	5.5	14.6%	9.0%
VRE	Bất động sản	31.0	-0.6%	1.1	3,063	7.7	1,175	26.4	2.3	30.3%	9.3%
VHM	Bất động sản	97.1	-1.6%	1.1	13,887	21.8	7,874	12.3	3.5	22.5%	33.6%
DXG	Bất động sản	23.4	0.2%	1.3	526	5.7	(61)		1.8	33.5%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	32.7	-0.5%	1.4	918	13.3	2,776	11.8	1.9	46.1%	16.2%
VCI	Chứng khoán	63.8	0.0%	1.0	459	5.2	5,703	11.2	2.2	24.3%	22.1%
HCM	Chứng khoán	31.8	-0.2%	1.5	421	6.7	2,462	12.9	2.0	47.1%	16.4%
FPT	Công nghệ	83.0	0.4%	0.9	2,848	9.8	4,718	17.6	3.9	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	76.9	-0.1%	0.4	915	0.0	5,165	14.9	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	84.0	-1.1%	1.3	6,990	3.1	3,946	21.3	3.2	2.6%	14.9%
PLX	Dầu khí	50.7	-0.2%	1.5	2,742	4.1	2,915	17.4	2.7	16.1%	16.8%
PVS	Dầu khí	20.6	-2.4%	1.6	428	5.7	1,375	15.0	0.8	8.4%	5.4%
BSR	Dầu khí	14.9	-3.2%	0.8	2,009	8.0	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	97.5	-1.0%	0.4	554	0.2	5,647	17.3	3.4	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.3	-0.5%	0.7	311	1.5	1,928	9.5	0.9	14.8%	9.4%
DCM	Hóa chất	15.6	-3.1%	0.6	358	1.4	1,122	13.9	1.3	3.4%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.0	-2.3%	1.1	15,642	9.7	5,709	17.0	3.6	23.4%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.7	-1.5%	1.3	7,108	6.6	2,048	19.9	2.1	16.8%	10.6%
CTG	Ngân hàng	43.8	2.1%	1.3	7,091	48.0	4,765	9.2	1.8	26.0%	20.9%
VPB	Ngân hàng	61.5	-0.5%	1.2	6,564	96.1	4,626	13.3	2.7	22.7%	22.5%
MBB	Ngân hàng	31.6	0.0%	1.2	3,845	33.9	3,612	8.7	1.7	22.9%	21.6%
ACB	Ngân hàng	35.2	1.1%	0.9	3,308	18.3	3,992	8.8	2.0	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	58.6	-1.3%	0.7	209	0.1	6,160	9.5	2.0	81.5%	20.3%
NTP	Nhựa	36.0	-0.6%	0.5	184	0.0	3,988	9.0	1.6	19.0%	17.8%
MSR	Tài nguyên	18.9	-3.1%	0.7	903	0.6	39	484.6	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	60.8	2.4%	1.1	8,759	77.7	5,476	11.1	3.1	30.3%	31.3%
HSG	Thép	36.7	5.2%	1.3	709	32.8	5,262	7.0	2.0	7.6%	34.2%
VNM	Tiêu dùng	87.0	-2.9%	0.7	7,905	25.7	4,682	18.6	5.8	55.4%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	153.0	-1.9%	0.8	4,266	1.3	7,561	20.2	4.9	63.0%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	95.0	-0.6%	1.0	4,852	10.6	1,281	74.2	6.9	32.8%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.4	-2.5%	1.2	519	2.2	1,131	17.1	1.5	8.3%	8.7%
ACV	Vận tải	70.5	-2.1%	0.8	6,673	0.6	577	122.2	4.1	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	119.5	-2.0%	1.1	2,814	2.3	2,256		4.3	19.1%	8.3%
HVN	Vận tải	27.2	-2.2%	1.7	1,677	1.2	(9,327)		26.8	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	34.1	-1.6%	1.0	447	2.5	1,246	27.4	1.7	38.8%	6.2%
PVT	Vận tải	16.3	-3.0%	1.3	229	1.9	2,281	7.1	1.1	12.5%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	92.0	-0.1%	1.0	640	0.9	8,479	10.9	3.5	3.9%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.8	-1.6%	0.4	659	0.2	1,604	21.1	2.3	6.6%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	-1.8%	0.9	266	0.7	1,566	10.2	1.1	3.1%	11.0%
CTD	Xây dựng	58.6	-6.2%	1.0	189	1.8	3,352	17.5	0.5	44.9%	3.0%
CII	Xây dựng	19.9	-2.2%	0.5	206	2.1	56	353.9	1.0	30.5%	0.2%
REE	Điện	56.1	1.8%	-1.4	754	2.4	5,770	9.7	1.5	49.0%	16.3%
PC1	Điện	26.2	-0.2%	-0.4	217	0.7	2,371	11.0	1.2	11.2%	13.2%
POW	Điện	12.1	-1.6%	0.6	1,232	5.5	1,037	11.7	1.0	3.5%	8.6%
NT2	Điện	20.4	-1.4%	0.5	255	0.3	1,872	10.9	1.4	15.3%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	36.4	-3.2%	1.1	743	8.8	1,639	22.2	1.7	22.0%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	55.8	-1%	0.9	2,511	0.1			3.5	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	60.80	2.36	1.23	29.55MLN
CTG	43.80	2.10	0.89	25.59MLN
HDB	30.00	4.17	0.51	15.74MLN
TPB	29.10	3.37	0.27	11.69MLN
ACB	35.20	1.15	0.23	12.06MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-2.27	2.28MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-1.45	6.74MLN	607060
VHM	0.00	-1.43	5.11MLN	373600
BID	0.00	-0.64	3.71MLN	192700
GVR	0.00	-0.53	2.87MLN	611640

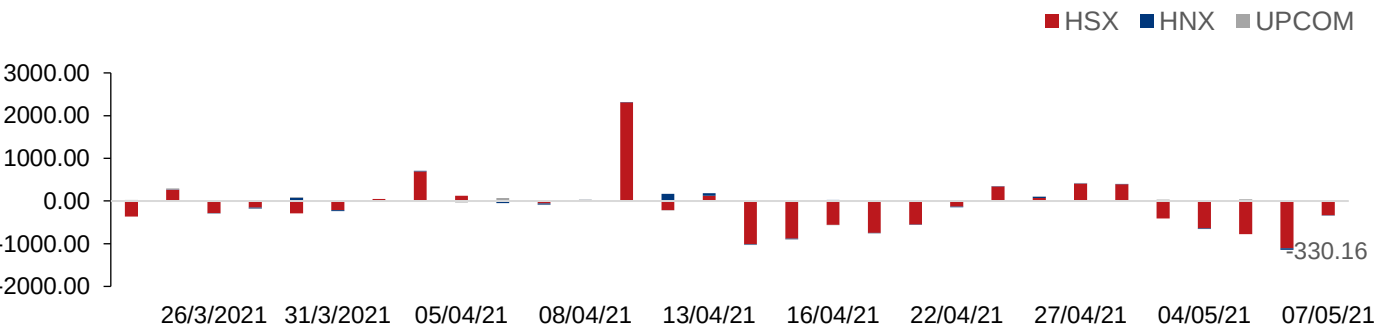
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGM	18.45	6.96	0.01	94100.00
SMC	34.80	6.91	0.04	1.75MLN
CMV	15.70	6.80	0.00	1400
NKG	30.00	6.76	0.09	8.70MLN
THI	27.70	6.13	0.02	300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FTM	2.67	-6.97	0.00	938000
ABS	48.75	-6.97	-0.08	3900
HAR	5.12	-6.91	-0.01	1.29MLN
SJF	3.40	-6.85	-0.01	1.97MLN
RDP	9.55	-6.83	-0.01	13800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.4	1,400	11.0	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.2	3,992	8.8	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	70.5	577	122.2	4.1	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.5	3,834	7.2	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	43.8	4,765	9.2	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	57.0	13,880	4.1	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	68.4	5,505	12.4	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	119.0	7,653	15.6	4.0	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.3	1,928	9.5	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	26.5	2,379	11.1	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	23.4	-61		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	83.0	4,718	17.6	3.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	34.1	1,246	27.4	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	40.3	7,082	5.7	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	60.8	5,476	11.1	3.1	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	36.7	5,262	7.0	2.0	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.1	1,566	10.2	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	36.4	1,639	22.2	1.7	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	36.3	2,140	17.0	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	21.6			1.5	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	34.9	3,258	10.7	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	95.0	1,281	74.2	6.9	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	140.2	9,051	15.5	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	38.8	4,008	9.7	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	50.0	7,080	7.1	2.1	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.2	2,120	11.4	1.5	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	95.5	4,974	19.2	3.8	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.1	1,037	11.7	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.5	0	126.8	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	20.6	1,375	15.0	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	153.0	7,561	20.2	4.9	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.4	1,131	17.1	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	47.1	4,074	11.5	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.0	5,709	17.0	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	41.7	4,166	10.0	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.8	570	26.0	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.1	3,837	9.4	1.2	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	87.0	4,682	18.6	5.8	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	97.1	7,874	12.3	3.5	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	24.8	1,091	22.7	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.8	600	16.3	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	126.3	9,476	13.3	5.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	61.5	4,626	13.3	2.7	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.0	1,175	26.4	2.3	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	90.1	4,060	22.2	6.2	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639